|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ****BỘ MÔN TIN HỌC** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ II LỚP 11****NĂM HỌC 2022- 2023** |

**1. MỤC TIÊU**

1.1. **Kiến thức**. Học sinh ôn tập các kiến thức về:

* Cấu trúc rẽ nhánh if
* Cấu trúc lặp while, for, cách sử dụng break.
* Kiểu dữ liệu danh sách
* Một số lệnh làm việc với dữ liệu kiểu danh sách
* Xâu kí tự
* Hàm trong Python
* Dữ liệu tệp

**1.2. Kĩ năng**: Học sinh rèn luyện các kĩ năng:

* Thực hiện các bài toán sử dụng câu lệnh lặp với số lần lặp biết trước và không biết trước.
* Thực hiện được cách khởi tạo, truy cập, duyệt các phần tử trong danh sách bằng lệnh for
* Biết cách duyệt danh sách và các thao tác với danh sách
* Thực hiện được vòng for để xử lý xâu kí tự
* Biết cách tạo hàm, thiết lập tham số cho hàm, viết chương trình sử dụng hàm, gọi hàm.
* Biết và trình bày được ý nghĩa phạm vi hoạt động của biến trong chương trình và hàm
* Biết cách tạo tệp dữ liệu và các thao tác với tệp.

**2. NỘI DUNG**

**2.1. Các dạng câu hỏi định tính:**

1. [Câu](https://tech12h.com/de-bai/ngon-ngu-lap-trinh-la-gi.html) lệnh nhập và xuất trong Python?
2. Cú pháp cấu trúc rẽ nhánh if trong Python, các dạng cấu trúc rẽ nhánh?
3. Phân biệt cách sử dụng vòng lặp for và vòng lặp while?
4. Cách duyệt phần tử trong xâu kí tự? Các lệnh làm việc với xâu là gì?
5. Các loại chương trình con trong Python? Phân biệt thủ tục và hàm?
6. Cách thiết lập tham số của hàm? Cách truyền giá trị thông qua đối số hàm?
7. Cách tạo tệp và thao tác với tệp.

**2.2. Các dạng câu hỏi định lượng:**

**Sử dụng ngôn ngữ lập trình Python lập trình:**

1. Nhập n là 1 số nguyên dương. Chuyển số đó ra số nhị phân bằng 2 cách: dùng danh sách và không dùng danh sách.
2. Nhập n là 1 số nguyên dương. Tính tổng các số là ước của n
3. Nhập n. Tính số lượng các số là ước của n.
4. Nhập một dãy số a gồm n số nguyên từ bàn phím. Tính tổng, trung bình của dãy và in dãy số trên một hàng ngang
5. Nhập một dãy số a gồm n số nguyên từ bàn phím. Đưa ra màn hình các số nguyên tố trong dãy theo hàng ngang
6. Nhập một xâu kí tự S từ bàn phím rồi đưa ra các kí tự là số trong xâu, đếm số kí tự số đó.
7. Tính n! = 1.2.3.4…n
8. Dãy số Fibonacci được xác định như sau:

F0= 0; F1=1; Fn=Fn-1+Fn-2

Viết chương trình nhập n từ bàn phím, tạo và in ra màn hình dãy số A bao gồm n số hạng đầu của dãy Fibonacci

9. Đọc vào 1 mảng A gồm các số nguyên, tính tổng các số trong mảng.

Dữ liệu đọc từ tệp mang.inp: một dòng gồm các số của mảng A, mỗi số cách nhau một dấu cách.

Kết quả in ra tệp mang.out gồm 1 số nguyên duy nhất là tổng các số của mảng A.

**2.3.Ma trận**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Số CH** |
| **Số CH** | **TL** | **Số CH** | **TL** | **Số CH** | **TL** | **Số CH** | **TL** | **TN** | **TL** |  |
| 1 | 1. Câu lệnh rẽ nhánh IF | 0 | 0 | 2 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 3 | 0 | 7.5% |
| 2 | 2.Câu lệnh lặp For | 0 | 0 | 2 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 4 | 0 | 10% |
| 3 | 3. Câu lệnh lặp While. | 0 | 0 | 2 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 4 | 0 | 10% |
| 4 | 4.Kiểu dữ liệu danh sách. | 1 | 0 | 2 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | 0 | 12.5% |
| 5 | 5. Một số lệnh làm việc với dữ liệu danh sách | 1 | 0 | 2 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | 0 | 12.5% |
| 6 | 6. Xâu kí tự | 1 | 0 | 2 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | 0 | 12.5% |
| 7 | 7. Một số lệnh làm việc với xâu kí tự | 0 | 0 | 2 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 10% |
| 8 | 8. Hàm trong Python | *2* | *0* | *2* | *0* | *2* | *0* | *0* | *0* | *6* | 0 | *15%* |
| 9 | 9. Dữ liệu tệp | *1* | *0* | *1* | *0* | *2* | *0* | *0* | *0* | *4* |  | *10%* |
|  |  | *6* | *0* | *17* | *0* | *15* | *0* | *2* | *0* | *40* |  | *100%* |

**2.4. Câu hỏi và bài tập minh họa**

Câu 1: Khẳng định nào sau đây là đúng khi nói về tệp?

A. Được lưu trữ lâu dài ở bộ nhớ ngoài (đĩa từ, CD, …) và bị mất khi tắt nguồn điện.

B. Được lưu trữ lâu dài ở bộ nhớ trong và không bị mất khi tắt nguồn điện.

C. Được lưu trữ lâu dài ở bộ nhớ ngoài (đĩa từ, CD, …) và không bị mất khi tắt nguồn điện; lượng thông tin lưu trữ trên tệp có thể rất lớn và chỉ phụ thuộc vào dung lượng đĩa.

D. Lượng thông tin lưu trữ trên tệp nhỏ.

**Câu 2.**Khẳng định nào sau đây là đúng khi nói về số lượng phần tử của tệp?

A. Số lượng phần tử của tệp được xác định trước*.*

B. Số lượng phần tử của tệp được khai báo trước*.*

C. Số lượng phần tử của tệp là 1*.*

D. Số lượng phần tử của tệp không xác định trước*.*

**Câu 3.**Hai**t**hao tác cơ bản đối với tệp là:

A. Ghi dữ liệu vào tệp và đọc dữ liệu từ tệp. B. Đọc dữ liệu từ tệp và đóng tệp.

C. Ghi dữ liệu vào tệp và đóng tệp. D. Xóa tệp và đóng tệp.

**Câu 4.**Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Dữ liệu kiểu tệp không bị mất khi tắt nguồn điện.

B. Dữ liệu kiểu tệp bị mất khi tắt nguồn điện.

C. Dữ liệu kiểu tệp không phụ thuộc vào dung lượng đĩa.

D. Dữ liệu kiểu tệp được lưu trữ trên bộ nhớ trong.

**Câu 5.**Trong Python, hoạt động với tệp diễn ra theo thứ tự:

A. Đọc hoặc ghi dữ liệu ⟶ Đóng tệp ⟶ Mở tệp

B. Mở tệp ⟶ Đọc hoặc ghi dữ liệu ⟶ Đóng tệp

A. Đóng tệp ⟶ Mở tệp ⟶ Đọc hoặc ghi dữ liệu

A. Đọc hoặc ghi dữ liệu ⟶ Mở tệp ⟶ Đóng tệp

**Câu 6.** Để đọc một lần toàn bộ văn bản trong tệp ta dùng cú pháp:

A. <biến xâu> = <biến tệp>.read() B. <biến xâu> = <biến tệp>

C. <biến xâu> = read() D. <biến tệp>.read()

**Câu 7.**Để đọc mỗi lần một dòng từ tệp ta dùng cú pháp:

A. <biến xâu> := <biến tệp>.readline() B. <biến xâu> = <biến tệp>.read()

C. <biến xâu> = readline() D. <biến xâu> = <biến tệp>.readline()

**Câu 8.**Để đọc một lần được một danh sách, mỗi phần tử của danh sách là một dòng trong tệp ta dùng cú pháp:

A. <biến danh sách xâu> = <biến tệp>.read()

B. <biến danh sách xâu> = readlines()

C. <biến danh sách xâu> = <biến tệp>.readlines()

D. <biến danh sách xâu> := <biến tệp>.readlines()

**Câu 9.**Để ghi một xâu văn bản vào tệp ta dùng cú pháp:

A. <biến tệp>.write(<biểu thức xâu>) B. <biến tệp>=write(<biểu thức xâu>)

C. <biến tệp>=read(<biểu thức xâu>) D. <biến tệp>.read(<biểu thức xâu>)

**Câu 10.**Để ghi một lần cả một danh sách các xâu văn bản vào tệp ta dùng cú pháp:

A. <biến tệp>=writelines(<danh sách xâu>) B. <biến tệp>.write(<biểu thức xâu>)

C. <biến tệp>.writelines(<danh sách xâu>) D. <biến tệp>:=writelines(<danh sách xâu>)

**Câu 11.**Sau khi kết thúc phiên làm việc với tệp thì ta cần đóng tệp và giải phóng tài nguyên. Giả sử tệp được mở đang gắn với biến tệp f, để đóng tệp thì ta dùng lệnh:

A. close()  B. close(f)  C. f.close D. f.close()

**Câu 12.**Để mở tệp bt.txt trên ổ đĩa D để đọc dữ liệu ta dùng lệnh:

A. f = ("D:\bt.txt", "r") B. f = open("D:\bt.txt", "r")

C. f = open("D:\bt.txt", "w") D. f = open("bt", "r")

ÔN TẬP CÁC BÀI TẬP TRONG SÁCH GIÁO KHOA TIN HỌC 11

**2.5. Đề minh họa**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ****BỘ MÔN TIN HỌC** | **ĐỀ MINH HỌA CUỐI HKII KHỐI 11****NĂM HỌC 2022- 2023** |

**Câu 1.** Câu lệnh if nào là đúng cú pháp trong Python?
A. if a>=2: B. if (a >= 2) C. if a >=2 D. Tất cả đều đúng
Câu 2. Kết quả của đoạn chương trình sau là gì?
1 x = True 2 y = False 3 z = False 4 if not x or y:
5 print (1) 6 elif not x or not y and z: 7 print (2)
8 elif not x or y or not y and x: 9 print (3)
10 else : 11 print (4)
A. 1 B. 2 C. 3 D. 4
**Câu 3.** Đoạn lệnh nào sau đây sẽ thực hiện không thành công?
A.1 if (1, 2): print (’a’)
B.1 if (1, 2):
2 print (’a’)
C.1 if (1, 2):
2 print (’a’)
D.1 if (1, 2):
2 3print (’a’)
**Câu 4.** Để kết thúc một khối các câu lệnh trong phần thân của câu lệnh if, chúng ta dùng:
A. Dấu chấm phẩy B. Dấu đóng ngoặc nhọn
C. end D. Một câu lệnh được thụt lùi ít hơn so với câu lệnh trước
**Câu 5.** Đoạn code sau có lỗi hay không?
1 d = {’a’: 0, ’b’: 1, ’c’: 0}
2 if d[’a’] > 0:
3 print (’ok ’)
4 elif d[’b’] > 0:
5 print (’ok ’)
6 elif d[’c’] > 0:
7 print (’ok ’)
8 elif d[’d’] > 0:
9 print (’ok ’)
10 else :
11 print (’not ok ’)
A. Không có lỗi
B. Có lỗi
**Câu 6.** Đoạn lệnh nào dưới đây sẽ thực thi thành công, giả sử x và y đã được khởi tạo từ trước?
A.1 if x < y: if x > 10: print (’foo ’)
B.1 if x < y: print (’foo ’) else : print (’bar ’)
C.1 if x < y: print (’foo ’); print (’a’); print (’b’)
D.1 if x < y: print (’foo ’)
2 elif y < x: print (’bar ’)
3 else : print (’baz ’)
**Câu 7.** Đoạn lệnh sau dùng để làm gì:
1 a = int ( input ("a = "))
2 if a % 2 == 0:
3 print (a)
4 else :
5 print (0)
A. In ra giá trị của a B. Nếu là số chẵn thì in giá trị vừa nhập, ngược lại in ra 0
C. Vừa in ra giá trị của a vừa in ra 0 D. Nếu là số lẽ thì in giá trị vừa nhập, ngược lại in ra 0

**Câu 8.** Kết quả của đoạn lệnh sau là gì?
1 numbers = [1, 2, 3, 4]
2 numbers . append ([5 ,6 ,7 ,8])
3 print ( len( numbers ))
A. 4 B. 5 C. 8 D. Báo lỗi
**Câu 9.** Kết quả của đoạn lệnh sau là gì?
1 list1 = [1, 2, 3, 4]
2 list2 = [5, 6, 7, 8]
3 print ( len( list1 + list2 ))
A. 2 B. 4 C. 8 D. Báo lỗi
**Câu 10.** Kết quả của đoạn lệnh sau là gì?
1 list1 = [1, 2, 3, 4]
2 print ( list1 [4])
A. 3 B. 4 C. 1 D. Báo lỗi
**Câu 11.** Kết quả của đoạn lệnh sau là gì?
1 x = sum ( range (5) )
2 print (x)
A. 4 B. 5 C. 10 D. 15
**Câu 12** Đoạn lệnh nào sau đây được dùng để in các phần tử của mảng lis1t ra màn hình:
1 list1 = [1 ,2 ,3 ,4]
A.1 for i in list1 :
2 print (i)
B.1 for i in range (len( list1 ))
2 print (a[i])
C. Cả hai đoạn lệnh trên đều đúng
D. Cả hai đoạn lệnh trên đều sai
**Câu 13.** Kết quả của đoạn code dưới đây là gì, biết rằng lệnh break dùng để thoát khỏi vòng lặp đang chứa nó:
1 for i in range (10) :
2 if i == 4:
3 break
4 else :
5 print (i)
6 else :
7 print (" Python ")
A. 0 1 2 3 4 B. 0 1 2 3 Python C. 0 1 2 3 D. 0 1 2 3 4 Python
**Câu 14.** Giá trị của a sau khi kết thúc vòng lặp là bao nhiêu :
1 a = 0
2 for i in range (10 , 14) :
3 a = a + 3
A. 9 B. 12 C. 15 D. 18

**Câu 15:** Phát biểu nào sau đây là **Sai**?

A. Danh sách là một dãy hữu hạn các phần tử (có thể không cùng kiểu)

B. Danh sách được đặt tên và các phần tử đều được đánh chỉ số

C. Các phần tử của danh sách ngăn cách nhau bởi dấu phẩy

**D.** Các phần tử của danh sách nằm trong cặp ngoặc ( và )

**Câu 16:** Cho đoạn lệnh sau:

ds=[3, 6, 5, 8]

ds.sort()

print(ds)

Kết quả in ra màn hình là:

A. [3 6 5 8] B. [3 5 6 8] C. [3, 6, 5, 8] **D.** [3, 5, 6, 8]

**Câu 17**: Cho đoạn lệnh sau:

ds= [6] + [7]

print(ds)

Kết quả in ra màn hình là:

A. [13] B. [6 + 7] **C.** [6, 7] D. 13

**Câu 18:** Cho đoạn lệnh sau:

ds=()

print(ds)

Kết quả in ra màn hình là:

**A.** () B. Không in ra gì cả

C. Lỗi D. Tất cả đều sai

**Câu 19:** Cho đoạn lệnh sau:

ds=[4, 7, 8, 2]

………………..

print(ds)

Điền vào dấu ……. Để kết quả in ra màn hình là [4, 7, 9, 8, 2]

A. ds.append(int(input(‘9’)) **B.** ds.insert(2,9)

C. ds.sort() D. ds[2]=9

**Câu 20:** Trong danh sách sau có mấy kiểu dữ liệu:

ds=[2, 4, 5, 2, ‘3’]

A. 1 **B.** 2 C. 3 D. 4

**Câu 21:** Cho đoạn chương trình sau:
s1="123"
s2="456"
s=s1+s2
print("s=",s)
Chương trình trên in ra màn hình kết quả nào sau đây:

**A.** s=123456 B. s="123456"

C. s=579 D. s="579"

**Câu 22:** Cho lệnh:

n=5
print(float("12345/n"))
Kết quả in ra màn hình của lệnh trên là:

**A.** Lỗi B. 12345

C. 2469 D. ‘12345’

**Câu 23:** Cho đoạn chương trình sau:

s3="Chúc mừng 8 - 3 !"
x=len(s3)
print("Độ đài xâu s3 là:",x)

Kết quả của chương trình là:

A. 13 B. 15 **C.** 17 D. 19

**Câu 24:** Cho đoạn chương trình sau:
i="123"
s=i\*2
print('s=",s)
Chương trình trên cho kết quả nào sau đây:

A. s=123 **B.** s=123123 C. s=246 D. s=123\*2

**Câu 25:** Tìm kết quả của đoạn lệnh sau:
s="Chúc mừng 8-3 !"
print(s.upper())

**A.** CHÚC MỪNG 8-3 ! B. Không ra kết quả gì

C. chúc mừng 8-3 ! D. Lỗi

**Câu 26:** Chương trình sau in ra màn hình nội dung gì?

print(int(‘897’\*3))

**A.** 897897897 B. 2691 C. 897 897 897 D. Lỗi

**Câu 27**: Một từ đặc biệt nếu đọc từ đó từ trái sang phải cũng giống như đọc từ phải sang trái.

s=input('nhập xâu')

x=…………

for i in range(len(s)-1,-1,-1):

 ……………

if s==x:

 print('yes')

else:

 print('no')

Điền vào dấu chấm………..:

**A.** ‘’ và x=x+s[i] B. “” và x=s(i)

C. “” và x=s[i] D. ‘’ và x=x+s(i)

**Câu 28:** Câu lệnh nào tạo biến kiểu xâu:

A. s=int(input()) **B.** s=input()

C. s=[‘Nhập xâu’] D. s= float(input(‘Nhập xâu’)

**Câu 29:** Cho biết câu lệnh dưới đây đưa ra màn hình nội dụng gì?

print(int(’15.4’)\*2)

**A.** Lỗi B. 30 C. 30.8 D. 15

**Câu 30:** Cho xâu kí tự S. In ra tất cả các vị trí chữ ‘a’ trong S và tổng số lần xuất hiện của nó. Ghi kết quả ra màn hình.

S=input(‘Nhập xâu’)

for i in range(0,……………):

 if s[i]==a:

 ………………..

print(S.count(‘a’))

Điền vào …………..:

A. Len(S) và print(i) **B.** len(S) và print(i)

C. s và print(S[i]) D. len(S) và print(S[i])

**Câu 31:** Viết chương trình nhập vào 1 xâu và kiểm tra xem trong xâu đó có xuất hiện kí tự b không? Đưa ra màn hình thông báo ‘yes’ hoặc ‘no’ tương ứng với câu trả lời là khẳng định hoặc phủ định.

s=input(‘Nhập xâu’)

if ………………..:

 print(‘yes’)

else:

 print(‘no’)

A. s==’b’ B. s==b C. b in s **D.** ‘b’ in s

**Câu 32**: Cho chương trình sau:

S=input()

print(S[::-1])

Chương trình trên giải bài toán nào?

A. Viết chương trình nhập vào 1 xâu . In xâu đặc biệt nếu đọc từ đó từ trái sang phải cũng giống như đọc tên đó từ phải sang trái.

B. Viết chương trình nhập vào 1 xâu. In ra độ dài của xâu s

**C.** Viết chương trình nhập vào 1 xâu. In ra xâu đảo ngược của xâu s

D. Viết chương trình nhập vào 1 xâu. In ra kí tự -1

**Câu 33:** Cho đoạn lệnh:

S=“Tin học”

print(S[4:6])

Kết quả in ra màn hình của đoạn lệnh trên là:

A. học **B.** họ C. HỌC D. hc

**Câu 34:** Kết quả in ra màn hình của câu lệnh sau:

‘Tin’ + ‘’ + “học”

A. Tin học **B.** Tinhọc C. Lỗi D. Không in gì

**Câu 35:** Kết quả in ra màn hình của câu lệnh sau:

pint(‘Tin học’ > ‘Toán học’)

A. Yes B. No C. True **D.** False

**Câu 36:** Cho đoạn lệnh sau:

S=‘I LOVE YOU’

………………….

Điền vào chỗ chấm………. Để kết quả là LOVE

A. print(s[3;6]) **B.** print(S[3:7]) C. print(S[3;7]) D. print(s[3:6])

**Câu 37:** Cho đoạn lệnh sau:

ds=[‘Toán’,‘Lý’,“Hoá”,“Tin”]

ds.sort()

print(ds)

Kết quả in ra màn hình là:

A. [‘Toán’,‘Lý’,‘Hoá’,‘Tin’] B. [‘Toán’,‘Hoá’,‘Tin’,‘Lý’]

**C.** [‘Hoá’,‘Lý’,‘Tin’,‘Toán’] D. [‘Tin’,‘Toán’,‘Hoá’,‘Lý’]

**Câu 38:** Cho câu lệnh:

print(str(‘567’)\*2)

Kết quả in ra màn hình:

**A.** 567567 B. 1124 C. 567 567 D. 1124.0

**Câu 39:** Cho đoạn lệnh:

S=“””

1

2

3

4

5”””

print(len(S))

Kết quả in ra màn hình

A. 5 B. 9 C. 11 **D.** 10

**Câu 40:** Cho xâu kí tự S. Tính số từ có trong xâu.

S=input()

a=………….

print(len(a))

Điền vào chỗ trống ………..

**A.** S.split() B. S.upper() C. S.lower() D. S.count()

 Hoàng Mai, ngày 2 tháng 4 năm 2023

TỔ TRƯỞNG

**PHAN TRỌNG DŨNG**